



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-HC-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT
Học kỳ: 1/20-21

Tên học phần: **Các công nghệ lập trình hiện đại**

Mã học phần: **CT522**

Lớp: **19B**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phân tô điểm (chi tô điểm tổng kết)											+ 0.5	Ghi chú
									0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
1	1642023	Nguyễn Thanh	Hùng		Nợ HP	2.0	2.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
2	1742053	Đào Văn	Quyết		Nợ HP			(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
3	1742069	Đặng Văn	Thường					(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
4	18424001	Lê Đức	Anh		Nợ HP			(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
5	18424013	Nguyễn Ngọc	Châu					(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
6	18424045	Phạm Ánh	Nguyệt		Nợ HP	5.0	5.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
7	18424047	Nguyễn Trung	Nhân		Nợ HP	5.0	5.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
8	18424048	Phạm Hữu	Nhơn		Nợ HP	5.0	5.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
9	18424069	Nguyễn Văn	Thịnh			8.5	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
10	18424070	Nguyễn Lâm Chí	Thông			8.5	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
11	18424071	Trần Minh	Tiến		Nợ HP	8.5	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
12	18424081	Nguyễn Hoàng	Vinh			9.0	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
13	18424084	Phạm Xuân	Vũ			9.0	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
14	19424001	Lê Vũ	Bào		Nợ HP	0	0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
15	19424002	Phạm Quan Tiến	Dũng		Nợ HP	10	10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
16	19424003	Hồ Trung	Hiếu		Nợ HP	10	10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
17	19424004	Nguyễn Hồng	Kỳ		Nợ HP	5.0	5.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
18	19424005	Lâm Thành	Long			9.5	9.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
19	19424006	Võ Xuân	Thái			9.0	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
20	19424007	Nguyễn Hoàng Anh	Thư			8.5	8.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
21	19424008	Võ Thái Minh	Tuệ		Nợ HP	9.5	9.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
22	19424009	Huỳnh Xuân	Viên		Nợ HP	9.5	9.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
23	19424010	Trần Quốc	Vương			9.0	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
24	19424012	Nguyễn Hoàng	Bào			6.0	6.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
25	19424013	Phan Văn	Bất			6.0	6.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1).....Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký: NVC Khoa	Họ, tên: Chữ ký:
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-HC-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT
Học kỳ: 1/20-21

Tên học phần: **Các công nghệ lập trình hiện đại**

Mã học phần: **CT522**

Lớp: **19B**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phân tổ điểm (chi tổ điểm tổng kết)											+ 0.5	Ghi chú
									0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
26	19424014	Nguyễn Đình	Bình			7.5	7.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
27	19424015	Dương Trọng	Đức			7.5	7.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
28	19424016	Trần Tiến	Dũng			8.0	8.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
29	19424021	Nguyễn Thái	Hiệp		Nợ HP	10	10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
30	19424022	Lưu Đức	Hòa		Nợ HP	8.0	8.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
31	19424023	Nguyễn Hiếu Trung	Hòa			10	10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
32	19424024	Nguyễn Phúc	Lợi		Nợ HP	9.5	9.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
33	19424025	Võ Thành	Long			8.0	8.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
34	19424026	Nguyễn Quang	Minh		Nợ HP	5.0	5.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
35	19424029	Đình Hồng	Ngọc		Nợ HP	5.0	5.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
36	19424030	Tạ Thị Yến	Nhi			9.5	9.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
37	19424031	Nguyễn Thị	Oanh		Nợ HP	9.0	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
38	19424033	Huỳnh Đức	Phong		Nợ HP	9.0	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
39	19424034	Phạm Quốc	Phong			9.0	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
40	19424035	Đặng Xuân	Phụng					(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
41	19424036	Khổng Mai	Phương			9.0	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
42	19424037	Nguyễn Minh	Quân			10	10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
43	19424040	Hà Đức	Tân		Nợ HP	φ	φ	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
44	19424041	Nguyễn Quốc	Thắng		Nợ HP	9.0	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
45	19424044	Nguyễn Mai	Thi			9.0	9.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
46	19424045	Trần Hoàng Ngọc	Thiên					(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
47	19424046	Trần Minh	Thiện			9.5	9.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
48	19424047	Võ Nguyễn Minh	Thông			9.5	9.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
49	19424048	Nguyễn Văn	Thường		Nợ HP			(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	
50	19424049	Nguyễn Thị Thanh	Thùy			7.5	7.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0.5)	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1).....Chữ ký:	Họ, tên: 	Họ, tên:
2).....Chữ ký:	Chữ ký: NVC Khoa	Chữ ký: